

Số: **30** /2021/QĐST-HNGĐ

Điện Biên Phủ, ngày 01 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LÝ HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 67/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thanh N; Địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ; Hiện trú tại: Tổ dân phố 04, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ;

Bị đơn: Ông Hoàng Gia C; địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phan Quyết Ch, bà Nguyễn Thị V và bà Phan Thị Hoa M; cùng địa chỉ: Tổ dân phố 04, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ;

- Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Điện Biên; địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ; người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K - Chủ tịch hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh Q - Phó tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Mạnh Q: Ông Nguyễn Thành T - Trưởng bộ phận pháp chế và tuân thủ Ngân hàng thương mại cổ phần A, chi nhánh Đ;

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (*viết tắt Agribank*), chi nhánh huyện Điện Biên, phòng giao dịch Bản Phủ; địa chỉ: Đội 24, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ; Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Quang H - Giám đốc Agribank chi nhánh huyện Đ; Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Quang H: ông Bùi Mạnh T - Giám đốc Agribank chi nhánh huyện Đ, phòng giao dịch B;

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (*viết tắt Agribank*), chi nhánh tỉnh Điện Biên; địa chỉ: Số 884, đường V, thành phố Đ, tỉnh Đ; người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình K - Giám đốc Agribank chi nhánh tỉnh Đ; người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Đình K: Ông Nguyễn Văn T - Trưởng phòng khách hàng Hộ sản xuất và cá nhân Agribank chi nhánh tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2021;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phan Thị Thanh N và ông Hoàng Gia C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Bà Phan Thị Thanh N và ông Hoàng Gia C thuận tình ly hôn.

2.2 Về con: Giao các con chung Hoàng Phan Việt Tr, sinh ngày 12/2/2011 và Hoàng Bảo H, sinh ngày 17/7/2013 cho bà Phan Thị Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con chung ông Hoàng Gia C tự thực hiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo các quy định có liên quan của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản và nợ: Yêu cầu Tòa án công nhận thoả thuận về việc phân chia tài sản và nợ trước khi Tòa án tiến hành hòa giải; ông Phan Quyết Ch và bà Nguyễn Thị V rút yêu cầu độc lập về việc đòi nợ.

Công nhận thoả thuận về việc phân chia tài sản và nợ của các đương sự trước khi Tòa án tiến hành hòa giải như sau:

2.3.1 Về tài sản:

- Giao cho bà Phan Thị Thanh N quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tại số nhà 65, tổ dân phố 9, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (*giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH 35428 do UBND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên cấp ngày 16/5/2016 cho bà Phan Thị Thanh N*).

- Giao cho bà Phan Thị Thanh N quyền sở hữu xe ô tô Mazda CX5-2,5L AWA 2019 biển số 27A-047.51, đăng ký xe tên Phan Thị Thanh N.

2.3.2 Về nợ:

Bà Phan Thị Thanh N có trách nhiệm trả các khoản nợ sau:

- Trả nợ Ngân hàng TMCP An Bình, chi nhánh Điện Biên số tiền 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*) cùng toàn bộ lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ, theo hợp đồng cho vay từng lần số 89/19/TD/XXXII ngày 24/5/2019 và giấy nhận nợ số 89/19/TDXXXII ngày 24/5/2019 giữa Ngân hàng TMCP An Bình, chi nhánh Điện Biên với ông Hoàng Gia C và bà Phan Thị Thanh N.

- Trả nợ Agribank, chi nhánh huyện Điện Biên, phòng giao dịch Bản Phủ số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) cùng toàn bộ lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ, theo Hợp đồng tín dụng số 8903-LAV-2020.009990 ngày 13/5/2020 và Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 13/5/2020 giữa Agribank chi nhánh huyện Điện Biên, phòng giao dịch Bản Phủ với bà Phan Thị Thanh N. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH 35428 do UBND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên cấp ngày 16/5/2016 cho bà Phan Thị Thanh N. Trong trường hợp tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì bà N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số nợ còn lại.

- Trả nợ Agribank chi nhánh tỉnh Điện Biên số tiền 28.000.000 đồng (*Hai mươi tám triệu đồng*) cùng toàn bộ lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ, theo hợp đồng tín dụng số 8900-LAV-2019.01404 ngày 13/12/2019 và phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ trả nợ ngày 13/12/2019 giữa Agribank chi nhánh tỉnh Điện Biên với ông Hoàng Gia C và bà Phan Thị Thanh N.

- Trả nợ ông Phan Quyết Ch và bà Nguyễn Thị V số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*), không tính lãi nếu chậm thi hành.

2.3.3 Bà Phan Thị Thanh N có trách nhiệm trả cho ông Hoàng Gia C số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*); thời hạn trả như sau:

- + Khi Tòa án ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, bà N trả cho ông C 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

- + Sau 04 năm kể từ ngày Tòa án ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, bà N trả cho ông C 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) còn lại; không tính lãi nếu chậm thi hành.

2.3.4 Về án phí: Bà Phan Thị Thanh N chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 29.250.000 đồng (*Hai mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí; trả lại cho bà Phan Thị Thanh N 29.100.000 đồng (*Hai mươi chín triệu một trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

số AA/2020/0000434 ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

3. Tiền tạm ứng án phí: Trả lại cho ông Phan Quyết Ch 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000441 ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ný sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Về thi hành án dân sự: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- UBND phường T, TPĐ;
- Chi cục THSDS TPĐ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đ;
- Kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Nhung